**HỒ SƠ**

**YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG**

**CẠNH TRANH RÚT GỌN**

**MỤC LỤC**

**Mô tả tóm tắt**

**Chương I. Yêu cầu nộp báo giá**

**Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

**Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật**

**Chương IV. Dự thảo hợp đồng**

### MÔ TẢ TÓM TẮT

**Chương I. Yêu cầu nộp báo giá**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

**Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập yêu cầu báo giá, báo giá trên Hệ thống.

**Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật**

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Bên mời thầu chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống

**Chương IV. Dự thảo hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

**Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

**Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp nhà thầu tham dự gói thầu xây lắp*.*

**Mục 2. Đơn dự thầu, giá dự thầu và biểu giá**

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp giá theo hạng mục mà nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục này vào các hạng mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.[[1]](#footnote-1)

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

**Mục 3. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn dự thầu;

2. Biểu dự thầu theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu);

3. Đề xuất kỹ thuật căn cứ quy định tại Chương III.

**Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ;

2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chương III;

3. Có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp (nếu có)), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.

4. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

**Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá các báo giá trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

**Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV. **.**

**Mục 7. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị bằng văn bản theo địa chỉ sau:

Tên đơn vị: Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Số 17, Võ Văn Kiệt, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: 0293 3878954

Email: Haugiang@moj.gov.vn

**Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Biểu mẫu** | **Cách thực hiện** | **Trách nhiệm thực hiện** | |
| **Bên mời thầu** | **Nhà thầu** |
| **I** | **Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa** | Webform |  |  |
| 1 | Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa và thời gian giao hàng | **X** |  |
| 2 | Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan | **X** |  |
| 3 | Mẫu số 02. Bảng tiến độ thực hiện |  | **X** |
| 4 | Mẫu số 03. Bảng chào giá hàng hóa |  | **X** |
| 5 | Mẫu số 04. Bảng chào giá các dịch vụ liên quan |  | **X** |
| **IV** | **Đơn dự thầu (áp dụng chung đối với gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn)** |  |  |
| x1 | Đơn dự thầu |  | **X** |

**Mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)**

**PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG**

*Bên mời thầu điền yêu cầu thời gian giao hàng và liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Yêu cầu về thời gian giao hàng* | Tối đa 60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Địa điểm dự án** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 1 | Bộ điều khiển trung tâm hội thảo TS-V90MU (TOA) hoặc tương đương | Bộ | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 2 | Bộ chủ tịch hội thảo TS-V91CU (TOA) hoặc tương đương | Bộ | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 3 | Bộ đại biểu hội thảo TS-V92DU (TOA) hoặc tương đương | Bộ | 12 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 4 | Dây hội thảo 10M YR-780-10M (TOA) hoặc tương đương | Trọn gói | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 5 | Loa hộp thông báo 60W F-2000BT hoặc tương đương | Chiếc | 4 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 6 | Tăng âm truyền thanh liền Mixer 240W A-2240 (TOA) hoặc tương đương | Chiếc | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 7 | Bộ xử lý tín hiệu âm thanh số FX16 (NEX) hoặc tương đương | Chiếc | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 8 | Máy chiếu chuyên dụng PT-LB386 (PANASONIC) hoặc tương đương | Chiếc | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 9 | Tủ âm thanh chuyên dụng 10U D600 SEArack hoặc tương đương | Chiếc | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 10 | Màn chiếu di động REGENT 100 hoặc tương đương | Chiếc | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 11 | Thiết bị ghi hình | Chiếc | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |
| 12 | Dây cáp tín hiệu và cấp nguồn chuyên dụng cho âm thanh | Trọn gói | 1 | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |

**Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)**

**CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN(1)**

Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng**  **mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành  dịch vụ(2)** |
| 1 | *Lắp đặt, chạy thử toàn bộ hệ thống* | 1 | Trọn gói | Cục THADS tỉnh Hậu Giang |  |
| 2 | *Ghi nội dung dịch vụ 2* |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |
| n | *Ghi nội dung dịch vụ n* |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì Bên mời thầu không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Yêu cầu về thời gian giao hàng” tại Mẫu số 01A.

**Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian giao hàng theo**  **yêu cầu của bên mời thầu** | **Thời gian giao hàng do**  **nhà thầu đề xuất** |
|  | Trích xuất từ Mẫu số 01A |  |

|  |
| --- |
|  |

**Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Xuất xứ**  *[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]* | **Mã HS** | **Đơn giá dự thầu**  *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | **Thành tiền**  *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)=(4)x(7)* |
|  | *Hàng hoá thứ 1* |  |  |  |  |  | *M1* |
|  | *….* |  |  |  |  |  |  |
|  | *Hàng hoá thứ n* |  |  |  |  |  | *Mn* |
| **Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(M)** |

Ghi chú:

(1) (2) (3) (4): Hệ thống tự trích xuất;

(5): Nhà thầu điền

(6): Trường hợp nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê, trường hợp nhà thầu không biết mã HS thì để trống;

(7): Nhà thầu điền;

(8) : Hệ thống tự tính.

**Mẫu số 04 (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG CHÀO GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng  mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành dịch vụ** | **Đơn giá dự thầu** | **Thành tiền** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) = (3) x (7) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(I)** |

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6) Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 01B

Cột (7) nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Cột (8) Hệ thống tự động tính

**ĐƠN DỰ THẦU (1)**

Ngày:\_\_\_*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu:\_\_\_*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi:\_\_\_*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]* số E-TBMT:\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]* cùng với bảng chào giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là\_\_\_\_ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_\_ *[Hệ thống tự động tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có))*.*

Hiệu lực của báo giá:\_\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu~~.~~

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Đáp ứng quy định về cấp doanh nghiệp theo yêu cầu của bản yêu cầu báo giá (đối với gói thầu xây lắp).

7. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, báo giá tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Dự thảo hợp đồng.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp báo giá.

**Chương III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua sắm hệ thống tăng âm loa đài, máy chiếu, thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác thi hành án năm 2022

- Bên mời thầu: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (dự toán NSNN).

- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Quyết định số 200/QĐ-CTHADS ngày 26/10/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Số 17, Võ Văn Kiệt, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

**Giới thiệu về gói thầu:**

- Tên gói thầu: Mua sắm hệ thống tăng âm loa đài, máy chiếu, thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác thi hành án năm 2022

- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn.

- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Phạm vi công việc: Được mô tả tại Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống).

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu.

**1.2. Địa điểm và khối lượng cung cấp:** Được mô tả tại Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống).

**1.3. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.3.1. Yêu cầu chung:**

- Các hàng hóa, thiết bị dự thầu phải mới 100%, sản xuất từ năm 2022 có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá theo quy định tại E-HSMT này.

- Nhà thầu cam kết sẽ cung cấp chứng nhận chất lượng (CQ), chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO) khi giao hàng.

- Giao hàng tại nơi sử dụng; thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành.

- Nhà thầu phải lắp đặt hoàn chỉnh, chạy thử, hướng dẫn sử dụng thành thạo tại nơi đặt máy.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá:

+ Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, nhà sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật;

+ Hàng hóa (thiết bị âm thanh) do Nhà thầu chào phải có văn bản xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất để chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa do Nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

**1.3.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể**

Bất kỳ nhãn hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, nhãn hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

| **TT** | **Nội dung yêu cầu** | **Yêu cầu kỹ thuật (Cục)** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Bộ điều khiển trung tâm hội thảo TS-V90MU (TOA) hoặc tương đương** | Bộ xử lý trung tâm thuộc hệ thống hội thảo, sản xuất năm 2022 với thiết kế nhỏ gọn và đầy đủ chức năng của một hệ thống hội thảo ưu việt. Cho phép kết nối tối đa 35 thiết bị đại biểu và chủ tịch, phù hợp với phòng họp vừa và nhỏ, tiết kiệm chi phí đầu tư và lắp đặt |
| Nguồn điện: 220 - 240 V AC, 50/60 Hz |
| Công suất tiêu thụ: 20 W |
| Nguồn điện, dòng ra: 36 V DC, 540 mA |
| **Điều khiển:** chuông ưu tiên, nút ưu tiên của TS-V91CU có thể kích hoạt chuông đơn báo hiệu |
| Giới hạn số đại biểu đồng thời: số lượng TS-V92DU có thể sử dụng đồng thời từ 0-3 |
| Chức năng tự tắt Mic: tắt Mic sau 30 giây khi không sử dụng (bằng phím chọn) |
| Bảo hành: tối thiểu 12 tháng |
| Có chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất |
| **2** | **Bộ chủ tịch hội thảo TS-V91CU (TOA) hoặc tương đương** | Máy chủ tịch TOA TS-V91CU |
| Nguồn điện: 36 V DC, 30 mA hoặc nhỏ hơn (cung cấp từ bộ xử lý trung tâm TS-V90MU) |
| **Điều khiển: -** Nút phát biểu: điều khiển Micro, bật-tắt loa bằng nút phát biểu - Ưu tiên: Micro, loa bật-tắt, micro khác bị tắt và kích hoạt chuông bằng nút bấm ưu tiên |
| Bảo hành: tối thiểu 12 tháng |
| Có chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất |
| **3** | **Bộ đại biểu hội thảo TS-V92DU (TOA) hoặc tương đương** | Bộ đại biểu TOA TS-V92DU |
| Nguồn điện: 36 V DC, 30 mA hoặc nhỏ hơn (cung cấp từ bộ xử lý trung tâm TS-V90MU) |
| **Điều khiển**:  - Nút phát biểu: điều khiển Micro, bật-tắt loa bằng nút phát biểu - Ưu tiên âm lượng: Micro, loa bật-tắt, micro khác bị tắt và kích hoạt chuông bằng nút bấm ưu tiên tích hợp. |
| Bảo hành: tối thiểu 12 tháng. |
| Có chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất |
| **4** | **Dây hội thảo 10M YR-780-10M (TOA) hoặc tương đương** | Bảo hành: tối thiểu 12 tháng. |
| Có chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất |
| **5** | **Loa hộp thông báo 60W F-2000BT hoặc tương đương** | Vỏ loa: loa trầm phản xạ |
| Công suất: 60W |
| Trở kháng:100V line: 170Ω(60W), 330Ω(30W),670Ω(15W), 3.3kΩ(3W) |
| Cường độ âm thanh (1W,1m): 92dB |
| Tiêu chuẩn chống nước: IP-V4 |
| Bảo hành: tối thiểu 12 tháng. |
| Có chứng nhận xuất xứ và chất lượng hàng hóa CO-CQ (chính hãng) |
| **6** | **Tăng âm truyền thanh liền Mixer 240W A-2240 (TOA) hoặc tương đương** | Nguồn điện: nguồn điện 220-240V AC hoặc 24V DC |
| Công suất ra: 240W |
| Đáp tuyến tần số: 50-20,000Hz |
| Độ méo tiếng: dưới 1% |
| **Ngõ vào: -** Mic 1-3: -60dB 600Ω Cân bằng - AUX 1,2: -20dB, 10kΩ không cân bằng, CRA |
| Trở kháng cao: 42Ω |
| Trở kháng thấp: 4Ω (31V) |
| Nguồn Phantom: Mic1 |
| Tỉ lệ S/N: hơn 60dB |
| Điều chỉnh âm sắc: Bass/Treble |
| Bảo hành: 12 tháng |
| Có chứng nhận xuất xứ và chất lượng hàng hóa CO-CQ (chính hãng) |
| **7** | **Bộ xử lý tín hiệu âm thanh số FX16 (NEX) hoặc tương đương** | Cần chỉnh âm sắc Micro: 3 |
| Bộ tạo hiệu ứng tiếng vang:2 |
| Ngõ vào Micro: 4 |
| Đường truyền âm thanh: tiêu chuẩn Hi Res |
| **Đặc điểm nổi bật:  -** Chức năng chống hú (feedback) với công nghệ dịch tần số làm giảm sự hú rít cho micro- Điều chỉnh âm sắc (Bass – Mid – Treble) riêng biệt cho MIC, ECHO, MUSIC - Tích hợp 2 bộ tạo hiệu ứng tiếng vang (Echo) cho chất âm dày và sống động hơn - Kết nối Bluetooth, AV, Optical, USB |
| Bảo hành: tối thiểu 12 tháng. |
| Có chứng nhận xuất xứ và chất lượng hàng hóa CO-CQ (chính hãng) |
| **8** | **Máy chiếu chuyên dụng PT-LB386 (PANASONIC) hoặc tương đương** | Công nghệ trình chiếu: LCD |
| Cường độ chiếu sáng: 3,800 Ansi lumens |
| Độ phân giải: XGA (1024×768) |
| Tỷ lệ khung hình: 4:3 |
| Độ tương phản: 20.000:1 |
| Kích thước màn hình: 30-300 inch |
| Tuổi thọ bóng đèn: tối thiểu 10.000 giờ |
| Nguồn điện cung cấp: 100-240VAC, 50/60Hz |
| Công suất đèn: 230w |
| Bảo hành tối thiểu 24 tháng cho thân máy, 12 tháng hoặc 1.000 giờ cho bóng đèn tùy theo điều kiện nào đến trước |
| Có chứng nhận xuất xứ và chất lượng hàng hóa CO-CQ (chính hãng) |
| **9** | **Tủ âm thanh chuyên dụng 10U D600 SEArack hoặc tương đương** | Tủ âm thanh Rack 10U-D600 |
| Kích thước: H.560\*W.550\*D.600 |
| Tôn thép CT3, sơn tĩnh điện chống rỉ |
| Kết cấu hàn liền, được lắp khóa an toàn, cánh trước bằng meca hoặc lưới |
| Phụ kiện gồm: 01 quạt thông gió, 01 ổ điện 3 chấu, 04 bánh xe |
| Bảo hành: 12 tháng |
| Có chứng nhận chất lượng hàng hóa |
| **10** | **Màn chiếu di động REGENT 100 hoặc tương đương** | Màn chiếu 3 chân 100 inch |
| Kích thước độ dài màn hình: 1m78 x 1m78 |
| Kích thước khuôn hình: 70” x 70” |
| Kích thước đường chéo: 100” |
| Tỉ lệ vùng chiếu: 1:1 |
| Kiểu dáng: chân đứng, chắc chắn tiện di chuyển |
| Chất liệu: vải matte white |
| Bạt có độ dày cao, bo viền |
| Độ bền cao, chống ẩm mốc |
| Bảo hành: 12 tháng |
| Có chứng nhận xuất xứ và chất lượng hàng hóa CO-CQ (chính hãng) |
| **11** | **Thiết bị ghi hình** | Kết nối hồng ngoại, wifi, tích hợp loa, micro; độ phân giải Full HD |
| **12** | **Dây cáp tín hiệu và cấp nguồn chuyên dụng cho âm thanh** | |

**Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ \_\_\_ *[Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];*

- Căn cứ \_\_\_\_ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];*

- Căn cứ\_\_\_\_ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP] [[2]](#footnote-2);*

- Căn cứ\_\_\_*[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo trúng thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư*:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_*(trường hợp được ủy quyền).*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu*:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. Báo giá của Nhà thầu;

5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *\_\_\_\_[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam].*

2. Phương thức thanh toán: Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 07 ngày làm việc kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.

Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** Trọn gói**.**

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_*[ Ghi tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phù hợp với yêu cầu của Mẫu 01A, 01B, 02 bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8. Tài liệu, chứng từ**

Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu sau: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa.

Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

**Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng**

1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;

b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;

c) Thay đổi địa điểm giao hàng;

d) Thay đổi dịch vụ liên quan.

.

2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 1 làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số… tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong báo giá và đáp ứng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

4. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng*.* Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), hoặc ký quỹ, theo Mẫu quy định tại bản yêu cầu báo giá.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.

*-* Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:Sau khi hoàn thành hợp đồng.

**Điều 11. Chấm dứt hợp đồng**

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định;

(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

**Điều 12. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại như sau: Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

**Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc bảo hiểm hàng hóa trên cơ sở bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với các điều kiện thương mại.

**Điều 14. Bảo hành**

1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.

2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định: 12 tháng tại địa điểm cung cấp, lắp đặt hàng hóa.

4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn 24 giờvà chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.

**Điều 15. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 10 ngàykể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Hai bên cần cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán nếu có bất đồng nảy sinh giữa hai bên có liên quan đến hợp đồng đã ký.

Trong trường hợp không thống nhất được thì sẽ được đưa ra toà án kinh tế, tòa án nhân dân theo thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của toà án là cuối cùng. Hai bên phải chịu trách nhiệm thi hành. Án phí do bên thua kiện trả.

**Điều 16. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_*[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_bộ, chủ đầu tư giữ \_\_bộ, Nhà thầu giữ\_\_bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**  **NHÀ THẦU**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**  **CHỦ ĐẦU TƯ**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**PHỤ LỤC**

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_tháng\_\_\_\_\_năm\_\_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm phạm vi cung cấp, bảng giá và các nội dung cần thiết khác]*

1. Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)